

LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN DBTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 06/04/2026

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		P4+P1	7:25	16+5	0+0		16+6	0+0	
2		RP3	7:25	22	0		22	0	
3		PPD+RP3	9:25	15+7	0+0		13+9	0+0	
4		PVD8+SAVR+PPD	9:25	15+0+4	0+0+0		0+2+20	0+0+0	
5		P11+PPD+P1	11:25	4+13+0	0+0+0		0+18+4	0+0+0	
6		BK14+BK8+BK6	11:25	11+9+0	0+0+0		5+14+0	0+0+0	chuyen 2 bk8- bk6

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/ Đi về trong ngày P1-3ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 07:30
B.CARD: XANH-1	TO: P4 - P1	CREW: NAM - CHIẾN - THỤ	ETA: 09:20
VSP FLIGHT: 01		VNHS FLIGHT: TM26/1506	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	TRƯƠNG THANH GIÁP	P4	86	1	6			73	KHI	Vietnamese
2	LUƠNG THANH VŨ	P4	100	1	7			81	KHI	Vietnamese
3	TRẦN DUY KHƯƠNG	P4	93	1	5			93	KHI	Vietnamese
4	NGUYỄN QUANG HÀ	P4	92	1	6			66	KHI	Vietnamese
5	ĐỖ ĐỨC LONG	P4	91	1	4	3	55	62	KHI	Vietnamese
6	TRẦN VĂN PHÚC	P4	90	1	6			72	KHI	Vietnamese
7	TRỊNH XUÂN HUYỀN	P4	89	1	4			78	KHI	Vietnamese
8	ĐẶNG THẾ HUY	P4						101	KHI	Vietnamese
9	LÊ HUY CHUÔNG	P4	85	1	8			55	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH GIÁP	P4	97	1	3			67	KHI	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN ANH	P4	87	1	3			68	KHI	Vietnamese
12	PHẠM HỮU THỌ	P4	88	1	9			64	KHI	Vietnamese
13	HOANG THAI DƯƠNG	P4						74	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN VĂN THỊNH	P4	94	1	4			75	KHI	Vietnamese
15	NGUYỄN ĐOÀN HÀ	P4	95-96	2	13			85	XAYLAP	Vietnamese
16	NGÔ VĂN SƠN	P4	98-99	2	19			68	XAYLAP	Vietnamese
17	PHAN CÔNG HOANG	P1	62	1	5			67	KH-THAC	Vietnamese
18	KIREEV MARAT	P1	60	1	10			86	NIPI	Russian
19	NGUYỄN THANH HOÀ	P1	61	1	4			95	NIPI	Vietnamese
20	TRẦN VĂN HIỆU	P1	63-64	2	15	1	15	91	NIPI	Vietnamese
21	VŨ BAO THANH	P1	66-67	2	13			83	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P4	16	1.182	16	97	3	55	16		
2	P1	5	422	7	47	1	15	6		
TOTAL		21	1.604	23	144	4	70	22		
WEIGHT KG			1.604		144		70			

GRAND TOAL: 1.818 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ NGỌC HÀ

CREW

TRẦN HỒNG NAM
ĐỖ VĂN CHIẾN



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 426	ETD: 07:35
B.CARD: CAM-1	TO:RP3	CREW: LINH - HTRUNG - HIẾU	ETA: 09:25
VSP FLIGHT: 02		VNHS FLIGHT: TM26/1510	

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	NGUYỄN TRỌNG TUẤN	RP3				4	70	85	KHI	Vietnamese
2	LÊ ĐỨC VIỆT	RP3	45	1	4			73	KHI	Vietnamese
3	NGUYỄN VĂN TÂN	RP3						65	KHI	Vietnamese
4	HA VAN THUY	RP3	42	1	5			65	KHI	Vietnamese
5	ĐOÀN HOANG SƠN	RP3	48	1	13	2	17	106	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ ĐỨC OANH	RP3						68	KH-THAC	Vietnamese
7	BUI VĂN PHU	RP3	44	1	3			72	KHI	Vietnamese
8	DUONG VAN VAO	RP3	46	1	5			83	KHI	Vietnamese
9	NGUYỄN HOANG NAM	RP3						90	KHI	Vietnamese
10	NGUYỄN CHINH THI	RP3	53	1	8			75	KHI	Vietnamese
11	LÊ HOANG ANH	RP3	51	1	6			65	KHI	Vietnamese
12	PHẠM VĂN THIẾT	RP3	47	1	5			64	KHI	Vietnamese
13	ĐƯỜNG HỒNG QUẬN	RP3	43	1	8			73	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN QUỐC CUÔNG	RP3	52	1	6			82	KHI	Vietnamese
15	LÊ HỮU ĐẠT	RP3	41	1	3			75	KHI	Vietnamese
16	LÊ XUÂN HIẾN	RP3	55	1	4			77	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN Q. BẢO BÌNH	RP3						64	KHI	Vietnamese
18	TRINH QUANG HUY	RP3						71	KHI	Vietnamese
19	NGUYỄN VĂN VU	RP3	40	1	7			73	KHI	Vietnamese
20	TRẦN DUY TÂN	RP3	54	1	6			75	KHI	Vietnamese
21	NGUYỄN VĂN BANG	RP3	39	1	11			85	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	RP3	21	1.586	15	94	6	87	22		
TOTAL		21	1.586	15	94	6	87	22		
WEIGHT KG			1.586		94		87			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

NGÔ VĂN LINH

NGUYỄN ĐỨC HẠNH TRUNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 09:50
B.CARD: VANG-2	TO: PPD - RP3	CREW: NAM - CHIÊN - THỤ	ETA: 11:40
VSP FLIGHT: 03		VNHS FLIGHT: TM26/1507	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	CHU QUYNH AN	PPD	80	1	9			108	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐẶNG XUÂN SƠN	PPD	93-94	2	18			86	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN NGUYỄN TÂN TÀI	PPD	84-85	2	12			84	KHI	Vietnamese
4	HUYNH TÂN THÀNH	PPD	78-79	2	11			71	KHI	Vietnamese
5	BÙI THANH HẢI	PPD	83	1	6			70	KHI	Vietnamese
6	ĐẶNG HỒNG QUÂN	PPD	82	1	5			74	KHI	Vietnamese
7	VÕ QUANG ĐẠT	PPD	86	1	2			54	KHI	Vietnamese
8	NGUYỄN ĐỨC ANH	PPD	75-76	2	18			95	ANTOAN	Vietnamese
9	PHẠM HỒNG QUÂN	PPD	71-72	2	19	1	15	78	ANTOAN	Vietnamese
10	DU LÊ THANH TIẾN	PPD	73-74	2	11			68	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ TUẤN ANH	PPD	89-90	2	10	2	15	80	CODIEN	Vietnamese
12	PHẠM ĐỨC TOÀN LỘC	PPD	81	1	4			82	KHI	Vietnamese
13	NGUYỄN HỮU LUẬN	PPD	88	1	7			73	KHI	Vietnamese
14	NGUYỄN MINH KHOAN	PPD	77	1	8			84	KHI	Vietnamese
15	CAO NAM QUÝ	PPD	87	1	4			71	KHI	Vietnamese
16	NGUYỄN VĂN CHIẾN	PPD	687	1	3			56	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN CAO	RP3	65	1	7			69	KHI	Vietnamese
18	NGUYỄN VĂN TIẾN	RP3	62-63	2	12			52	PSV	Vietnamese
19	HÀ VĂN THUẬN	RP3	60	1	5			57	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU BĂNG	RP3	61	1	6			62	PSV	Vietnamese
21	LƯƠNG TRỌNG ĐƯƠNG	RP3	64	1	9			56	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PPD	16	1.234	23	147	3	30	13		
2	RP3	5	296	6	39	0	0	9		
TOTAL		21	1.530	29	186	3	30	22		
WEIGHT KG			1.530		186		30			

GRAND TOAL: 1.746 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

ĐINH THỊ HOA

CREW

TRẦN HỒNG NAM

ĐỖ VĂN CHIÊN





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:55
B.CARD: CAM-2	TO: PVD8 - SAVR - PPD	CREW: L-HAI - TĐÔNG - THÔNG	ETA: 11:45
VSP FLIGHT: 04	VNHS FLIGHT: TM26/1511		

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	PHẠM HUY THƯƠNG	PVD8	57	1	11			88	DATAKAN	Vietnamese
2	TRẦN TRUNG HẬU	PVD8	61	1	10			61	DATAKAN	Vietnamese
3	ĐÀO VĂN DŨNG	PVD8	60	1	13			78	DATAKAN	Vietnamese
4	MAI QUANG PHÚ	PVD8	59	1	6			74	DATAKAN	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐẠI KHOA	PVD8	65-66	2	15			69	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN NGỌC ĐẠO	PVD8	72-73	2	18			66	KH-THAC	Vietnamese
7	VŨ NGỌC TU	PVD8	64	1	12			74	KH-THAC	Vietnamese
8	VŨ VIỆT HUAN	PVD8	63	1	14			72	KH-THAC	Vietnamese
9	NGUYỄN TIẾN QUY	PVD8	62	1	9			74	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN THANH LUẬN	PVD8	67	1	11			58	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM HUYNH CƯỜNG	PVD8	58	1	15	2	31	76	CODIEN	Vietnamese
12	VŨ MẠNH ĐIỆP	PVD8	68	1	8			76	CODIEN	Vietnamese
13	NGUYỄN HỒNG SƠN	PVD8	71	1	12			69	CODIEN	Vietnamese
14	HOÀNG HỮU TRỌNG	PVD8	70	1	13			70	CODIEN	Vietnamese
15	NÔNG MINH HẢI	PVD8	69	1	12			76	CODIEN	Vietnamese
16	ĐÀO ANH TUẤN	PPD	54	1	4			60	KHI	Vietnamese
17	ĐOÀN DUY HÙNG	PPD	53	1	5			86	KHI	Vietnamese
18	ĐỖ VĂN ĐIỆP	PPD	52	1	5			66	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	PVD8	15	1.081	17	179	2	31	0		
2	SAVR	0	0	0	0	1	21	2		
3	PPD	3	212	3	14	0	0	20		
TOTAL		18	1.293	20	193	3	52	22		
WEIGHT KG			1.293		193		52			

GRAND TOAL: 1.538 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LƯU THANH HẢI
NGUYỄN THỨC ĐÔNG



FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 420	ETD: 12:10
B.CARD: VANG-3	TO: P11 - PPD - P1	CREW: HUNG - M.ĐỨC - DTÙNG	ETA: 14:00
VSP FLIGHT: 05		VNHS FLIGHT: TM26/1508	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KGS			
1	NGUYỄN VĂN ĐỨC	P11	11-12	2	16			78	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	P11	09-10	2	20			63	KH-THAC	Vietnamese
3	PHẠM THAI SƠN	P11	07-08	2	13			82	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN QUỐC HÙNG	P11	06	1	11			69	KH-THAC	Vietnamese
5	LÊ HUY VINH	PPD	600	1	7			63	KHI	Vietnamese
6	NGUYỄN TRƯỜNG SƠN	PPD	66	1	6			60	KHI	Vietnamese
7	TRẦN NGUYỄN PHƯƠNG	PPD	69	1	5			70	KHI	Vietnamese
8	ĐÀO VIỆT HÙNG	PPD	98	1	11			65	KHI	Vietnamese
9	VŨ VĂN CHIẾN	PPD	95	1	5			72	KHI	Vietnamese
10	TRẦN ĐỨC TUẤN	PPD	67	1	7	1	16	85	XAYLAP	Vietnamese
11	PHẠM NGỌC DINH	PPD	55	1	10	2	28	79	XAYLAP	Vietnamese
12	TRẦN ĐỨC HÙNG	PPD	99	1	16			68	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN KHÁNH HÙNG	PPD	97	1	14			71	XAYLAP	Vietnamese
14	NGUYỄN HỮU TUẤN	PPD	496-497	2	16			55	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN VIỆT PHONG LƯU	PPD	96	1	13			90	XAYLAP	Vietnamese
16	PHẠM HOANG LONG	PPD	58	1	3			81	NIPI	Vietnamese
17	LÊ ĐỨC THIÊN	PPD	59-60	2	12			76	NIPI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	P11	4	292	7	60	0	0	0		
2	PPD	13	935	15	125	3	44	18		
3	P1	0	0	0	0	0	0	4		
TOTAL		17	1.227	22	185	3	44	22		
WEIGHT KG			1.227		185		44			

GRAND TOAL: 1.456 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

VŨ THỊ THU HƯƠNG

CREW

LÊ QUÝ HÙNG
NGUYỄN MINH ĐỨC





FLIGHT MANIFEST



DATE: 06/04/2026	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 12:15
B.CARD: NAU-3	TO: BK14 - BK8 - BK6	CREW: LHM - TDG - THG	ETA: 14:05
VSP FLIGHT: 06		VNHS FLIGHT: TM26/1512	

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO		PAX WT	COMPANY	NATIONALITY
						PCS	KG			
1	LAI ANH TUAN	BK14	24	1	15	1	23	105	KH-THAC	Vietnamese
2	LE HONG LONG	BK14	04-05	2	16			78	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYEN VAN TAN	BK14	14	1	10	1	11	54	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐINH ĐỨC THIÊN	BK14	12-13	2	19			57	XAYLAP	Vietnamese
5	NGUYỄN KHẮC QUY	BK14	06-07	2	13			70	XAYLAP	Vietnamese
6	TRẦN ĐỨC TỈNH	BK14	08-09	2	18			64	XAYLAP	Vietnamese
7	PHẠM HỒNG PHÚC	BK14	22	1	13	1	15	61	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN NHẬT MINH	BK14	19-20	2	10	1	12	87	XAYLAP	Vietnamese
9	NGUYỄN ANH TIÊN	BK14	10-11	2	16			65	XAYLAP	Vietnamese
10	TRẦN QUỐC THIÊN	BK14	16	1	15	1	15	66	XAYLAP	Vietnamese
11	NGUYỄN DUY KHÁNH	BK14	18	1	6			90	PSV	Vietnamese
12	PHAN TRỌNG TUÂN	BK8	11	1	10	1	10	79	KH-THAC	Vietnamese
13	VŨ MINH ĐỨC	BK8	13	1	10	3	24	94	KH-THAC	Vietnamese
14	LE VAN NGHI	BK8	19-20	2	16			64	KH-THAC	Vietnamese
15	LE HONG LINH	BK8	18	1	8			83	KH-THAC	Vietnamese
16	PHẠM VĂN THANH	BK8	17	1	11			81	KH-THAC	Vietnamese
17	NGUYỄN TRƯỞNG SINH	BK8	21	1	9			70	DVL	Vietnamese
18	ĐOÀN MINH HƯƠNG	BK8	22-23	2	13			60	DVL	Vietnamese
19	NGUYỄN MINH THAO	BK8	15	1	10	1	11	61	DVL	Vietnamese
20	TẠ HẬU THĂNG	BK8	24-25	2	9	1	20	73	DVL	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE						ARRIVAL		REMARK
		PAX	PAX WT	BAG.		CARGO		PAX	CARGO	
				PCS	WT	PCS	WT			
1	BK14	11	797	17	151	5	76	5		
2	BK8	9	665	12	96	6	65	14+2	CHUYEN 2 PAX BK8-BK6	
3	BK6	0	0	0	0	0	0	0		
TOTAL		20	1.462	29	247	11	141	19		
WEIGHT KG			1.462		247		141			

GRAND TOAL: 1.850 KGS

VSP REP.

NGUYỄN THỨC HÀ

VNHS REP.

NGUYỄN THỊ MỸ HẠNH

CREW

LƯU THANH HẢI
NGUYỄN THỨC ĐÔNG

Xin chốt hành lý lên giờ